TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Vũ Đình Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Doãn Thị Lệ**

2. Bà **Trần Thị Thúy Lợi**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Đại Bình** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hoài Phương**- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại: Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 876/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Hồ Thị Kiều D , sinh năm 1982. Địa chỉ: 55/104 đường P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- **Bị đơn**: Anh Đỗ Thanh B, sinh năm 1976. Địa chỉ: 55/104 đường P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 11 năm 2022, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hồ Thị Kiều D trình bày:

Chị Hồ Thị Kiều D và anh Đỗ Thanh B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: xx ngày 14 tháng 03 năm 2006. Quá trình chung sống đến nay chị D cảm thấy vợ chồng không còn hòa hợp với nhau về tính tình, cách sống và quan

điểm sống. Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng mâu thuẫn là do anh B không chịu đi làm, một mình chị D phải lo các khoản chi phí sinh hoạt của gia đình khiến chị D chịu nhiều áp lực, gánh nặng về kinh tế. Chị D đã nhiều lần khuyên anh B nhưng anh B không thay đổi. Từ tháng 7/2022 tới nay, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, tuy vẫn còn sống chung nhà nhưng tình cảm của chị giành cho anh B không còn nên không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Kiều D yêu cầu giải quyết cho được ly hôn với anh Đỗ Thanh B;

- Về con chung: Chị Hồ Thị Kiều D và anh Đỗ Thanh B có 02 con chung là cháu Đỗ Trần H, sinh ngày 28/3/2006 và cháu Đỗ Hà M, sinh ngày 17/01/2009. Chị D có nguyện vọng được nuôi 02 con và yêu cầu anh B đóng tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng/tháng (mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng).

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 06 tháng 12 năm 2022, các lời khai có tại hồ sơ vụ án, bị đơn là anh Đỗ Thanh B trình bày:

Về hoàn cảnh và điều kiện kết hôn: Anh Đỗ Thanh B thống nhất với ý kiến mà Chị Hồ Thị Kiều D trình bày.

Anh B thừa nhận quá trình chung sống đến nay, anh B và chị Hồ Thị Kiều D có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhưng không đến mức trầm trọng phải ly hôn. Hiện anh B vẫn còn tình cảm với chị D nên mong muốn vợ chồng bỏ qua cho nhau các sai lầm trong cuộc sống để cùng nhau nuôi dưỡng con cái trưởng thành và xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy, anh B không đồng ý ly hôn với chị D.

Trong tường hợp Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh B, anh B đồng ý giao có 02 con chung là cháu Đỗ Trần H, sinh ngày 28/3/2006 và cháu Đỗ Hà M, sinh ngày 17/01/2009 cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng và đồng đóng tiền cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng (mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng) như yêu cầu của chị D.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đỗ Thanh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi ý kiến của con chung đủ bảy tuổi ngày 30 tháng 01 năm 2023, cháu Đỗ Trần H và cháu Đỗ Hà M trình bày:

Khi cha mẹ của cháu ly hôn thì cháu Đỗ Trần H và cháu Đỗ Hà M có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Hồ Thị Kiều D .

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn vắng mặt tại phiên họp và tại phiên tòa, không nộp tài liệu chứng cứ nên không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng

* Về nội dung vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Chị Hồ Thị Kiều D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và anh B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Hồ Thị Kiều D có đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho được ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[1.2] Bị đơn là anh Đỗ Thanh B có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Chị Hồ Thị Kiều D và anh Đỗ Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của chị D và anh B là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Hồ Thị Kiều D và anh Đỗ Thanh B đều thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Chị D xác định nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh B không quan tâm, chăm lo tới gia đình thể hiện bằng việc không đi làm nên thu nhập trong gia đình phụ thuộc

vào chị D khiến chị D chịu nhiều áp lực, gánh nặng về kinh tế. Tuy nhiên, anh B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng phải ly hôn; anh B vẫn còn tình cảm với chị D nên mong muốn vợ chồng bỏ qua cho nhau các sai lầm trong cuộc sống để cùng nhau nuôi dưỡng con cái trưởng thành và xây dựng gia đình hạnh phúc. Ngoài ý kiến trình bày thì các đương sự đều không nộp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh ý kiến trình bày của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện và nhiều lần tiến hành mở phiên họp để hòa giải nhằm tạo điều kiện cho chị D và anh B khắc phục tình trạng mâu thuẫn cảu vợ chồng. Tuy nhiên, anh B vắng mặt tại phiên họp và vắng mặt tại phiên tòa nên việc hòa giải tại Tòa án không thành. Anh B không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp khắc phục được tình trạng mâu thuẫn hiện nay của vợ chồng và chị D vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định chị D và anh B không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vì vậy, hôn nhân của chị D và anh B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[3] Về con chung:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D và anh B đều thống nhất trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì giao con cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng và anh B đồng ý đóng tiền cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là 2.000.000 đồng/tháng (mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng) cho đến khi cháu Đỗ Trần H và cháu Đỗ Hà M thành niên và có khả năng lao động.

Tại phiên tòa, anh B vắng mặt và không có ý kiến gì khác, chị D giữ nguyên yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết việc nuôi con của chị D:

- Giao con chung là cháu Đỗ Trần H, sinh ngày 28/3/2006 và cháu Đỗ Hà M, sinh ngày 17/01/2009 cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng

- Anh B có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 2.000.000 đồng/tháng (mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng) cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động;

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí:

Chị D là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng đối với yêu cầu giải quyết ly hôn.

Anh B là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84, khoản 1 Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm a Khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Kiều D .

1. Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Kiều D được ly hôn với anh Đỗ Thanh B.

2. Về con chung:

- Giao con chung là cháu Đỗ Trần H, sinh ngày 28/3/2006 và cháu Đỗ Hà M, sinh ngày 17/01/2009 cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng

- Anh B có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 2.000.000 đồng/tháng (mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng) cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Hồ Thị Kiều D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai số 0002871 ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Anh Đỗ Thanh B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Hồ Thị Kiều D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn là anh Đỗ Thanh B vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tp Pleiku;
- Chi cục THADS tp Pleiku;
- UBND phường Y
(Giấy CNKH số 28 ngày 14-3-2006);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Vũ Đình Nguyên